

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	1 - 2
Biểu của kiểm toán	3
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	4 - 21
Bảng cân đối kế toán	4 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 13
Bảng thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp	14 - 15

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 32
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện tiền thân là Công ty TNHH Alphanam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 08 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 02 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 120.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê xe ô tô.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2011
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Ủy viên	
Ông Nguyễn Duy Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên	
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên	
Ông Tetsuji Nagata	Ủy viên	
Bà Âu Thiên Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2011

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Đại	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2011
Ông Đàm Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2011
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

Số : 55./2012/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện*

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.912.116.886	291.951.246.346
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.778.555.188	46.896.385.954
1.	Tiền	111	V.01	5.778.555.188	6.192.585.954
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	40.703.800.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	4.165.600.000	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		4.165.600.000	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182.196.394.389	196.055.505.804
1.	Phải thu khách hàng	131		170.200.648.204	183.291.641.408
2.	Trả trước cho người bán	132		13.003.873.809	17.736.858.675
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	4.311.740.706	400.529.684
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.319.868.330)	(5.373.523.963)
IV.	Hàng tồn kho	140		38.647.737.002	46.823.860.537
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	38.647.737.002	46.823.860.537
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.123.830.307	2.175.494.051
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.335.467	197.200.415
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		150.368.264	18.832.968
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	889.126.576	1.959.460.668

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.514.181.109	89.738.173.089
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		8.323.777.390	8.854.040.492
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	8.277.687.426	8.733.765.538
	- Nguyên giá	222		16.127.026.639	15.899.952.731
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.849.339.213)	(7.166.187.193)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	46.089.964	120.274.954
	- Nguyên giá	228		275.800.000	317.700.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(229.710.036)	(197.425.046)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	74.713.800.000	80.311.800.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		72.613.800.000	70.311.800.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000.000	10.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(7.900.000.000)	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		476.603.719	572.332.597
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	476.603.719	572.332.597
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		315.426.297.995	381.689.419.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		184.598.412.455	248.185.748.107
I.	Nợ ngắn hạn	310		177.156.694.531	241.286.829.065
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	91.160.667.035	92.808.127.729
2.	Phải trả người bán	312		43.740.620.643	64.294.151.422
3.	Người mua trả tiền trước	313		35.371.119.586	76.725.529.869
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	5.357.758.872	5.397.274.637
5.	Phải trả người lao động	315		408.834.842	965.364.404
6.	Chi phí phải trả	316	V.12	385.013.852	136.849.327
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	732.679.701	959.531.677
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		7.441.717.924	6.898.919.042
3.	Phải trả dài hạn khác	333		283.285.257	281.917.863
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.14	2.148.351.096	2.732.078.470
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		41.831.800	41.831.800
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		4.968.249.771	3.843.090.909
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.827.885.540	133.503.671.328
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	130.827.885.540	133.503.671.328
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(35.733.197)	2.700.979.782
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		840.866.910	840.866.910
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.022.751.827	9.961.824.636
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		315.426.297.995	381.689.419.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.308.915.648	1.362.571.281
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		1.340,40	105.193,89
	EUR		178,39	8.249,07
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

**Bùi Thị Hồng****Lê Văn Đạt****Bùi Hoàng Tuấn**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	401.306.655.658	596.612.972.091
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	401.306.655.658	596.612.972.091
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	361.099.825.132	549.826.941.883
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.206.830.526	46.786.030.208
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	5.409.274.759	3.832.003.309
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	30.320.484.541	14.095.181.225
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.032.457.718	11.695.033.818
8.	Chi phí bán hàng	24		11.242.053.866	12.331.448.541
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.424.522.392	8.514.948.115
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.370.955.514)	15.676.455.636
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	3.155.374.206	1.717.797.523
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.456.623.717	3.542.493.850
13.	Lợi nhuận khác	40		1.698.750.489	(1.824.696.327)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		327.794.975	13.851.759.309
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	266.867.784	3.607.496.528
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		60.927.191	10.244.262.781
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Bùi Hoàng Tuấn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	327.794.975	13.851.759.309
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	1.633.673.958	1.317.436.011
-	Các khoản dự phòng	03	7.846.344.367	1.595.960.499
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	6.331.080	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(361.398.067)	(754.284.501)
-	Chi phí lãi vay	06	20.032.457.718	11.695.033.818
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	29.485.204.031	27.705.905.136
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	13.209.980.427	50.122.055.750
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	8.176.123.535	(908.787.835)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(65.636.138.798)	(58.032.516.497)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	208.593.826	673.819.684
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(20.032.457.718)	(11.644.850.485)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(202.779.438)	(2.064.906.732)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.437.968.262	197.650.753.055
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.506.934.960)	(183.220.028.340)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(35.860.440.833)	20.281.443.736
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.591.422.728)	(7.227.140.383)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	585.145.603	30.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.302.000.000)	(10.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	282.773.427	724.284.501
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(3.025.503.698)	(16.464.855.882)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	250.732.891.470	260.844.462.055
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(252.964.079.538)	(232.942.844.982)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.960.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.231.188.068)	21.941.617.073
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(41.117.132.599)	25.758.204.927
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.896.385.954	21.080.306.064
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(698.167)	57.874.963
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.778.555.188	46.896.385.954

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Hồng



Lê Văn Đạt



Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê xe ô tô.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Sản xuất máy móc và chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà;
- Giải phóng mặt bằng tổ chức san nền mặt bằng các khu vực dân dụng, công nghiệp;
- Xúc tiến thương mại và quảng cáo;
- Buôn bán và sửa chữa ô tô;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch các công trình;
- Thiết kế phong cảnh, sân vườn (chỉ thiết kế trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Tư vấn dự án, lập dự án;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 7 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 8 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
- Phần mềm máy vi tính	3 – 5 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí khác phát sinh liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế TNDN được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	928.674.562	143.985.770
- Tiền gửi ngân hàng	4.849.880.626	6.048.600.184
Cộng	5.778.555.188	6.192.585.954

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác (*)		4.165.600.000	-	-

(*): Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng.

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	4.311.740.706	400.529.684
+ Công ty Cổ Phần Alphanam	4.000.000.000	-
+ Khác	311.481.106	400.529.684
Cộng	4.311.740.706	400.529.684

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.224.531.321	30.870.400.595
- Thành phẩm	130.522.329	610.618.646
- Hàng hoá	2.292.683.352	15.925.598.851
- Hàng gửi đi bán	-	324.190.500
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	38.647.737.002	46.823.860.537

05. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	15.379.725	15.379.725
- Tạm ứng	748.757.255	177.505.930
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.989.596	1.766.575.013
Cộng	889.126.576	1.959.460.668

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	1.844.859.069	12.061.035.619	915.549.003	15.899.952.731
- Mua trong năm	-	-	1.290.554.546	319.377.273	1.609.931.819
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.081.989.729)	-	(300.868.182)	(1.382.857.911)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.078.509.040	762.869.340	13.351.590.165	934.058.094	16.127.026.639
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	1.385.542.755	3.866.569.199	835.566.199	7.166.187.193
- Khấu hao trong năm	-	269.454.890	1.254.864.699	61.706.031	1.586.025.620
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(892.128.305)	-	(10.745.295)	(902.873.600)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.078.509.040	762.869.340	5.121.433.898	886.526.935	7.849.339.213
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	459.316.314	8.194.466.420	79.982.804	8.733.765.538
2. Tại ngày cuối năm	-	-	8.230.156.267	47.531.159	8.277.687.426

Giá trị tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.897.123.558 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là: 5.166.913.492 đồng và 4.305.761.236 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho hợp đồng vay số 722/TD ngày 17/5/2010 của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>317.700.000</i>	-	<i>317.700.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(41.900.000)	-	(41.900.000)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>275.800.000</i>	-	<i>275.800.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>197.425.046</i>	-	<i>197.425.046</i>
- Khấu hao trong năm	47.648.338	-	47.648.338
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(15.363.348)	-	(15.363.348)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>229.710.036</i>	-	<i>229.710.036</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>120.274.954</i>	-	<i>120.274.954</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>46.089.964</i>	-	<i>46.089.964</i>

08. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương Mại Đông Á (*)	1.166.360	72.613.800.000	1.081.720	70.311.800.000
b- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty CP Viễn thông Thăng Long (TLC)	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
c- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)		(7.900.000.000)	-	-
Cộng		74.713.800.000		80.311.800.000

(*): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tỷ lệ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương Mại Đông Á là 97,20% (tại ngày 01 tháng 01 năm 2011, tỷ lệ sở hữu là 90,14%).

(**): Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	228.957.436	357.611.066
- Chi phí sửa chữa tài sản	245.867.437	204.863.556
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.778.846	9.857.975
Cộng	476.603.719	572.332.597

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng	89.658.853.403	88.635.981.329
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	89.658.853.403	88.635.981.329
- Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	2.800.000.000
+ Công ty Cổ phần DV & TM Đông Á	-	2.800.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.501.813.632	1.372.146.400
Cộng	91.160.667.035	92.808.127.729

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.399.087.257	2.703.589.459
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	151.945.884	18.832.968
- Thuế xuất, nhập khẩu	69.745.096	(1.213.654)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.714.526.785	2.650.438.439
- Thuế thu nhập cá nhân	22.453.850	25.627.425
Cộng	5.357.758.872	5.397.274.637

12. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí khác	385.013.852	136.849.327
+ Chi phí vận chuyển	126.000.000	-
+ Khác	259.013.852	136.849.327
Cộng	385.013.852	136.849.327

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	395.279.105	251.166.423
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	337.400.596	708.365.254
Cộng	732.679.701	959.531.677

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay dài hạn	2.148.351.096	2.732.078.470
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội(*)	2.148.351.096	2.732.078.470
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	2.148.351.096	2.732.078.470

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội để mua sắm TSCĐ, được đảm bảo bằng việc thế chấp TSCĐ hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	2.858.310.812	328.653.771	6.229.774.994	129.416.739.577
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	10.244.262.781	10.244.262.781
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	512.213.139	(512.213.139)	-
- Chia cổ tức năm 2009 bằng tiền	-	-	-	(5.960.000.000)	(5.960.000.000)
- Cổ tức năm 2009 chưa trả	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	(2.858.310.812)	-	-	(2.858.310.812)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	2.700.979.782	-	-	2.700.979.782
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	2.700.979.782	840.866.910	9.961.824.636	133.503.671.328
Số dư đầu năm nay					
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	60.927.191	60.927.191
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	(2.700.979.782)	-	-	(2.700.979.782)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm nay	-	(35.733.197)	-	-	(35.733.197)
Số dư cuối năm	120.000.000.000	(35.733.197)	840.866.910	10.022.751.827	130.827.885.540

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Alphanam	61.200.000.000	61.200.000.000
+ Các cổ đông khác	58.800.000.000	58.800.000.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.000.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	118.342.740.750	292.409.230.426
- Doanh thu bán thành phẩm	4.504.406.428	-
- Doanh thu xây lắp công trình	278.459.508.480	304.203.741.665
Cộng	401.306.655.658	596.612.972.091

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***02. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	118.342.740.750	292.409.230.426
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	4.504.406.428	-
- Doanh thu thuần xây lắp công trình	278.459.508.480	304.203.741.665
Cộng	401.306.655.658	596.612.972.091

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	118.751.793.184	289.276.126.908
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.282.862.122	-
- Giá vốn của xây lắp công trình	238.065.169.826	260.550.814.975
Cộng	361.099.825.132	549.826.941.883

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	282.773.427	863.730.107
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	4.420.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.126.084.665	2.963.853.202
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	416.667	-
Cộng	5.409.274.759	3.832.003.309

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	20.032.457.718	11.695.033.818
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.381.695.743	2.400.147.407
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.331.080	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	7.900.000.000	-
Cộng	30.320.484.541	14.095.181.225

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Nhà cung cấp hỗ trợ bán thanh lý hàng hóa mua từ các năm trước	1.743.229.246	-
- Thanh lý tài sản cố định	585.145.603	30.000.000
- Phạt vi phạm hợp đồng	680.682.240	1.286.851.468
- Thu nhập khác	146.317.117	400.946.055
Cộng	3.155.374.206	1.717.797.523

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	506.520.963	-
- Thù lao của thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	182.000.000	87.000.000
- Phạt do vi phạm hợp đồng	-	2.934.514.050
- Chi phí khác	768.102.754	520.979.800
Cộng	1.456.623.717	3.542.493.850

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	266.867.784	3.607.496.528
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	266.867.784	3.607.496.528

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.203.227.044	
- Chi phí nhân công	9.397.211.717	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.187.809.770	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.845.504.356	Không áp dụng
- Chi phí khác bằng tiền	3.142.080.228	
Cộng	263.775.833.115	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan:****1.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Cho Công ty vay trong năm (không tính lãi)	4.100.000.000	5.212.000.000
Công ty đã trả nợ trong năm	4.350.000.000	15.342.925.196

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	279.759.804	529.759.804
Cộng nợ phải trả	279.759.804	529.759.804

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thù lao	1.905.052.000	1.628.931.000
Cộng	1.905.052.000	1.628.931.000

1.2 Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư và PTHT Vinaconex – Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn Alphanam
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty trong cùng Tập đoàn Alphanam

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Alphanam</i>		
Cho thuê ô tô	684.000.000	357.000.000
Xuất bán hàng	3.983.000	1.581.565.200
Mua hàng	7.362.951.183	130.585.995.476
Thuê xe ô tô	16.151.000	-
Thuê kho	222.075.000	-
Công ty Cổ phần Alphanam trả hộ tiền vay	1.671.532.874	-
Cho Công ty Cổ phần Alphanam vay	6.500.000.000	7.214.205.073
Thu tiền cho vay	2.500.000.000	24.254.292.340
Phải trả tiền cổ tức	-	5.580.500.000
Thanh toán tiền cổ tức	-	5.580.500.000
<i>Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung</i>		
Tiền thuê văn phòng	72.000.000	72.000.000
<i>Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn</i>		
Mua hàng	394.256.771	1.436.214.378
<i>Công ty Cổ phần Liên doanh Fuji - Alpha</i>		
Xuất bán hàng	36.870.650	80.385.582.984
Mua hàng	63.120.236.619	30.988.848.124

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex - Alphanam		
Xuất bán hàng	18.427.829.000	190.595.326
Cho thuê xe ô tô	216.000.000	36.000.000
Mua hàng	9.642.291.242	48.159.851.592

**Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại
Đông Á**

Tiền thuê văn phòng, điện nước	932.705.334	770.710.770
Bán thanh lý tài sản, hàng hóa	329.555.657	-
Tiền vay phát sinh trong năm	40.000.000	-
Tiền vay đã trả trong năm	2.840.000.000	242.000.000
Lãi vay phải trả phát sinh trong năm	119.778.000	377.704.447
Tiền lãi vay đã trả trong năm	216.378.000	327.521.114

Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

Xuất bán hàng	9.569.298.037	78.358.847.138
Mua hàng	58.752.000	-
Chuyển tiền góp vốn	-	10.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Alphanam		
Phải thu khác	4.000.000.000	-

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng
Vinaconex - Alphanam**

Phải thu khác	209.722.557	
Cộng nợ phải thu	4.209.722.557	-

Công ty Cổ phần Alphanam

Phải trả người bán	501.022.865	211.282.500
Người mua trả tiền trước	3.257.996.520	2.356.727.085

Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung

Phải trả người bán	542.344.810	463.144.810
--------------------	-------------	-------------

Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn

Phải trả người bán	1.493.309.284	1.800.694.116
--------------------	---------------	---------------

Công ty Liên doanh Fuji - Alpha

Phải trả người bán	7.311.083.382	2.811.898.300
Người mua trả tiền trước	72.234.625	-

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng
Vinaconex - Alphanam**

Phải trả người bán	3.181.507.436	2.824.526.250
Người mua trả tiền trước	505.359.124	4.021.153.214

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Á</i>		
Phải trả người bán	92.808.941	25.062.114
Phải trả ngắn hạn khác	-	96.600.000
<i>Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long</i>		
Người mua trả tiền trước	3.696.432	5.416.074.408
Phải trả người bán	10.545.124	-
Cộng nợ phải trả	16.971.908.543	20.027.162.797

02. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Trung	Đơn vị tính: VND
Năm nay				Cộng
Doanh thu thuần, bán hàng và cung cấp dịch vụ và thu nhập khác	216.059.987.402	145.388.057.849	48.423.259.371	409.871.304.623
Chi phí trực tiếp	196.114.267.418	123.281.606.353	41.703.951.361	361.099.825.132
Các chi phí phân bổ	25.536.654.428	17.183.767.508	5.723.262.580	48.443.684.516
Lợi nhuận trước thuế	(5.590.934.444)	4.922.683.988	996.045.431	327.794.975
Chi phí thuế TNDN	(1.300.262.785)	1.296.261.780	270.868.788	266.867.784
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.290.671.659)	3.626.422.208	725.176.643	60.927.192
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.098.567.636	739.256.195	246.349.259	2.084.173.091
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.161.540.809	781.632.565	260.470.734	2.203.644.108
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	122.022.143.376	39.117.406.209	16.745.104.098	177.884.653.683
Tài sản phân bổ cho bộ phận	24.758.685.236	16.660.796.155	5.552.033.001	46.971.514.392
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				90.570.129.920
Tổng tài sản	146.780.828.612	55.778.202.364	22.297.137.099	315.426.297.995
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	64.848.553.633	17.369.399.083	1.862.037.284	84.079.990.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	50.137.136.233	33.738.649.633	11.243.045.917	95.118.831.783
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.399.590.672
Tổng nợ phải trả	114.985.689.866	51.108.048.716	13.105.083.201	184.598.412.455

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động xây lắp điện;
- Lĩnh vực 02: Hoạt động kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (dịch vụ, cho thuê...).

<i>Năm nay</i>	<i>Xây lắp điện</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê,..)</i>	<i>Cộng</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	305.633.135.880	95.295.274.715	356.685.063	401.306.655.658
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	171.258.530.442	53.397.772.656	199.864.977	224.856.168.075
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.344.131.855	738.472.585	1.568.651	2.084.173.091

02. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.778.555.188	46.896.385.954	5.778.555.188	46.896.385.954
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4.165.600.000	-	4.165.600.000	-
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.165.600.000	-	4.165.600.000	-
Phải thu khách hàng	170.200.648.204	183.291.641.408	164.880.779.874	177.918.117.445
Đầu tư dài hạn khác	10.000.000.000	10.000.000.000	2.100.000.000	2.600.000.000
Các khoản phải thu khác	4.311.740.706	400.529.684	4.311.740.706	400.529.684
Cộng	184.456.544.098	230.588.557.046	179.136.675.768	225.215.033.083
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	43.740.620.643	64.294.151.422	43.740.620.643	64.294.151.422
Vay và nợ	93.309.018.131	95.540.206.199	93.309.018.131	95.540.206.199
Chi phí phải trả	385.013.852	136.849.327	385.013.852	136.849.327
Phải trả dài hạn khác	283.285.257	281.917.863	283.285.257	281.917.863
Các khoản phải trả khác	732.679.701	959.531.677	732.679.701	959.531.677
Cộng	138.450.617.584	161.212.656.488	138.450.617.584	161.212.656.488

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Hồng



Lê Văn Đạt



Bùi Hoàng Tuấn